



Working Paper 2022.2.4.05
- Vol 2, No 5

**TỪ CHỐI CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
NƯỚC NGOÀI THEO CÔNG ƯỚC NEW YORK 1958 TRÊN CƠ SỞ
CHÍNH SÁCH CÔNG: NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC
VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

**Nguyễn Thị Ngọc Yến¹, Nguyễn Trần Phương Uyên, Võ Nguyên Cẩm Nhung,
Tường Thị Yến Linh**

Sinh viên K58, K59 - Kinh tế đối ngoại

Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trần Thanh Tâm

Giảng viên Bộ môn Kinh tế - Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Chính sách công là cơ sở đáng quan tâm mà các thẩm phán trong nước từ chối công nhận và thực thi các phán quyết của trọng tài quốc tế theo Điều V (2) (b) của Công ước New York 1958 vì nó có thể bị coi là đối xử không công bằng. Sau hơn 20 năm tham gia Công ước, tỷ lệ từ chối công nhận phán quyết nước ngoài cao như hiện nay của Việt Nam có thể là một rào cản do xu hướng trọng tài đang được thế giới ưa chuộng. Bài viết với mục tiêu chỉ ra sự tương đồng giữa Trung Quốc và Việt Nam, những bước tiến lớn đã đạt được và cách tiếp cận mà Trung Quốc đã sử dụng cho hệ thống pháp luật của họ. Kết quả bài viết cho thấy cải cách pháp luật và những thay đổi trong thủ tục tố tụng của Tòa án tại Trung Quốc góp phần tạo nên tư pháp nghiêm ngặt và dấu hiệu tích cực trong tỉ lệ thi hành. Phát hiện này cung cấp những bài học kinh nghiệm cũng như góp ý thêm cho các Tòa án nhằm tạo ra một môi trường tư pháp thân thiện ở nước sở tại.

Từ khoá: Chính sách công, Công ước New York 1958, từ chối phán quyết trọng tài nước ngoài.

**REFUSAL TO RECOGNIZE AND ENFORCE FOREIGN ARBITRAL
AWARDS UNDER THE NEW YORK CONVENTION 1958 ON THE GROUND
OF PUBLIC POLICY: A RESEARCH OF CHINA'S EXPERIENCE AND
LESSONS FOR VIETNAM**

Abstract

¹ Tác giả liên hệ: nguyenthingocyen2011155713@ftu.edu.vn

Public policy is the basis of concern that domestic judges refuse to recognize and enforce international arbitral awards under Article V(2)(b) of the 1958 New York Convention because it could become an unfair treatment. After more than 20 years of joining the Convention, Vietnam's current high rate of refusal to recognize foreign awards can be a barrier due to the trend of arbitration being favored by the world. The article aims to point out the similarities between China and Vietnam, the great strides that have been made and the approach that China has taken to its legal system. The results of the paper show that the legal reform and changes in the court proceedings in China contribute to a strict judiciary and a positive sign in the enforcement rate. This finding provides lessons learned as well as additional suggestions for the Courts to create a friendly judicial environment in the host country.

Keywords: Public policy, New York Convention 1958, rejection of foreign arbitral awards.

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong suốt hành trình hơn 20 năm tham gia Công ước New York của Việt Nam, nhiều học giả trong nước đã cho ra đời nhiều bài nghiên cứu chỉ ra vấn đề trong tình hình công nhận và thi hành phán quyết trọng tài ở Việt Nam. Ở mỗi bài, các tác giả đều có những cách tiếp cận riêng.

Trong “Thực trạng công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: Vụ Việc Thực Tế và Bình Luận” của tác giả Nguyễn Quốc Bảo đã đi đến bình luận rằng: Việt Nam dường như đang áp dụng việc giải thích “trật tự công cộng” theo cách tiếp cận rộng nhất: vi phạm nguyên tắc cơ bản về đạo đức và công lý. Tương tự, tác giả Đặng Hoàng Oanh đã tóm tắt, phân tích, bình luận vụ Tyco Services Singapore v. Leighton Contractors VN (2003) đưa ra nguyên nhân của dẫn đến bản án sai trái và kiến nghị cụ thể mà tác giả đưa ra là thay đổi về khái niệm “những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” mà Việt Nam đang sử dụng thành “trật tự công cộng”, trong đó tác giả cũng phân tích những điểm cần lưu ý để sử dụng khái niệm hiệu quả.

Trên thế giới, vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài dựa trên các quy định về chính sách công đã nhận được nhiều sự quan tâm của các học giả tại Trung Quốc. Những nghiên cứu tiêu biểu và cập nhật về vấn đề này sẽ được phân tích dưới đây:

Bài nghiên cứu “The Public Policy Exception in the Judicial Review of International Commercial Arbitral Awards: Lessons from and for China” (tạm dịch: Ngoại lệ chính sách công trong việc xem xét lại các phán quyết trọng tài thương mại quốc tế: Bài học rút ra và kinh nghiệm cho Trung Quốc) của tác giả Shu Zhang có đề cập việc Trung Quốc định nghĩa và áp dụng chính sách công trong việc phúc thẩm của phán quyết trọng tài thương mại vẫn còn chưa thỏa đáng.

Một bài nghiên cứu khác cũng tại Trung Quốc có tên “Predictability of ‘Public Policy’ in Article V of the New York Convention under Mainland China’s Judicial Practice” (tạm dịch: Tính dự đoán của chính sách công theo Điều V Công ước New York theo thực tiễn xét xử tại Trung Quốc) của tác giả Helena có chỉ ra được các khía cạnh của hệ thống luật pháp tại Trung Quốc và cách mà quốc gia này diễn giải thuật ngữ “chính sách công” theo một số vụ kiện tiêu biểu, nhấn mạnh việc bảo vệ chủ quyền tư pháp và quyền tài phán của tòa án Trung Quốc.

Như vậy, qua việc tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước, hướng tiếp cận nghiên cứu giải pháp của nhóm tác giả tập trung khai thác ở khía cạnh Trung Quốc - một quốc gia có nhiều nét tương đồng với Việt Nam trên phương diện thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế - nhằm học tập và tiếp thu có chọn lọc, là có tính mới và có căn cứ.

2. Tổng quan về Công ước New York 1958 và việc từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo chính sách công

2.1 Tổng quan về Công ước New York 1958

Công ước về Công nhận và Thực thi phán quyết Trọng tài nước ngoài hay còn được biết đến với tên gọi Công ước New York được Liên Hợp Quốc thông qua năm 1958 và có hiệu lực tính từ ngày 7/6/1959.

Công ước New York ra đời nhằm cung cấp một thủ tục thống nhất cho việc công nhận phán quyết trọng tài quốc tế, trong khi làm giảm tối thiểu ảnh hưởng của sự khác nhau của luật pháp các nước và Công ước. Công ước nhắm tới 2 điều: đảm bảo rằng thỏa thuận trọng tài được tôn trọng và phán quyết sẽ được công nhận. Từ đó, Công ước New York trở thành nền tảng xây dựng nên thủ tục trọng tài quốc tế, và trở thành lớp bảo vệ cho sự an toàn của các hợp đồng quốc tế.

2.2 Tổng quan về việc từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài dựa trên chính sách công theo Công ước New York 1958

Chính sách công được đề cập như một cơ sở để từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo Công ước New York năm 1958. Cụ thể tại điều V(2)(b), chính sách công (public policy) được nêu cụ thể như sau:

Việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài cũng có thể bị từ chối nếu cơ quan có thẩm quyền ở quốc gia nơi công nhận và cho thi hành thấy rằng:

(b) Việc công nhận hoặc thực thi phán quyết sẽ trái với chính sách công của quốc gia đó.

Công ước New York không có định nghĩa chính xác về "chính sách công". Mặc dù tại mỗi quốc gia, tòa án thường định nghĩa "chính sách công" một cách khác nhau, ví dụ như các nước sử dụng án lệ thường dựa vào chính sách công để từ chối công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài một khi nó đi lệch khỏi giá trị cốt lõi của hệ thống pháp luật.²

2.3 Khái quát từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo chính sách công tại Trung Quốc

Theo cuộc khảo sát ghi nhận Hệ thống pháp lý của Trung Quốc đã có những thay đổi tích cực và minh chứng chính là tỉ lệ từ chối công nhận và thi hành Phán quyết của trọng tài nước ngoài ở Trung Quốc.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm về việc công nhận và thực thi phán quyết trọng tài của các tòa án Trung Quốc; một số nghiên cứu này được thực hiện bởi các tổ chức trọng tài trong nước, và một số nghiên cứu được viết bởi các học giả trong lĩnh vực này. Ví dụ, Viện Nghiên cứu

² UNCITRAL; Shearman & Sterling; Columbia Law School. (n.d.). New York Convention 1958 Guide. Retrieved 2021, from Article V(2)(b): <https://newyorkconvention1958.org>

Trọng tài của Ủy ban Trọng tài Thương mại và Kinh tế Quốc tế Trung Quốc đã tiến hành hai cuộc khảo sát phát hiện ra rằng 71% phán quyết của trọng tài nước ngoài đã được các tòa án thi hành (Shengchang, 1998). Hoặc nghiên cứu của Peerenboom năm 2001, nhận thấy rằng tỷ lệ thực thi chung của các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại các tòa án Trung Quốc là 52%.

Từ 2001 đến 2015: Tòa án Trung Quốc thụ lý 90 vụ án yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, trong đó có 30 trường hợp tòa án không công nhận và cho thi hành. Một nghiên cứu khác được thực hiện bởi các thẩm phán SPC vào năm 2012 đã xác nhận không thực thi 21 trường hợp trong 56 trường hợp, ứng với tỉ lệ thi hành là 62% trong các yêu cầu không thi hành do các tòa án địa phương đệ trình (Guixiang & Hongyu, 2012).

Từ năm 2016 đến 2020, tòa án Trung Quốc tiếp nhận 104 yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, vượt qua tổng số các vụ án mà tòa án Trung Quốc tiếp nhận trong 50 năm qua, mà số trường hợp tòa án không công nhận là 8.

Như vậy tỉ lệ cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Trung Quốc là tương đối cao và tích cực.

3. Kinh nghiệm thực tiễn về việc từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài theo chính sách công tại Trung Quốc

3.1 Những ưu điểm của toà án Trung Quốc trong việc từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài dựa trên chính sách công

3.1.1 Cơ sở từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài

Trung Quốc và cách tiếp cận về định nghĩa “chính sách công”

Trung Quốc có cách giải thích khái niệm "lợi ích xã hội và lợi ích công" bằng cách sử dụng tiêu chuẩn trong nước, nghĩa là lợi ích công cộng và xã hội cơ bản của Trung Quốc, hay quy tắc pháp lý và đạo đức cơ bản của Trung Quốc. Trong đó, không có khái niệm như "lợi ích công quốc tế" (Qui, 2000). Theo đó, chiếu theo điều 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 1982, *nếu tòa án Nhân dân tại Trung Quốc xác định rằng nếu việc thực thi phán quyết sẽ đi ngược lại với chính sách công, tòa án sẽ từ chối việc thi hành.*

Về mặt ý nghĩa, dù được sử dụng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, song, thuật ngữ “lợi ích xã hội và lợi ích công” có nét nghĩa tương đồng như “chính sách công” tại điều V(2)(b) trong Công Ước.

Chính sách công là cơ sở để từ chối: những tình huống được áp dụng

Dựa vào chính sách công, các tòa án địa phương của Trung Quốc đã nhiều lần từ chối công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Một số nguyên nhân dẫn đến hành động từ chối là nhằm các mục đích (1) *Bảo vệ lợi ích của sở hoặc địa phương*, (2) *Bảo vệ quyền chủ quyền và quyền tài phán của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (CHND Trung Hoa): Hội đồng trọng tài không được vi phạm quyền tài phán của CHND Trung Hoa* và (3) *Trong trường hợp những vụ kiện không có yếu tố nước ngoài, thỏa thuận của các bên về tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc địa điểm trọng tài nước ngoài là vô hiệu* (Chen, 2017).

Trung Quốc không lạm dụng trong việc lệ thuộc vào chính sách công

Tuy nhiên, bản thân Trung Quốc lại không có xu hướng xem xét chính sách công như một “khoá van an toàn” như nhiều quốc gia khác hiện đang lạm dụng chính sách công để đạt được những lợi ích riêng cho quốc gia mình. Trong một số trường hợp, tòa án Trung Quốc đã giải quyết các vấn đề dựa trên công bằng và công lý các bên nêu ra. Trường hợp sau đây liên quan đến việc xác nhận quyền sử dụng đất ở nhà dân mình họa cho cách tiếp cận của các tòa án Trung Quốc.

Trong tranh chấp giữa Da Huang liên quan đến việc xác nhận quyền sử dụng đất ở nhà dân, Ủy ban Trọng tài Hải Nam đã đưa ra phán quyết trọng tài xác nhận quyền sử dụng đất nhà ở của Da Huang và yêu cầu bị đơn (Wei Huang) hỗ trợ người nộp đơn (Da Huang) chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất đối với người nộp đơn (Da Huang). Tuy nhiên, Tòa án Nhân dân Trung cấp Thứ nhất Hải Nam nhận thấy rằng Da Huang là một cư dân thành thị và Bộ Đất đai và Tài nguyên của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quy định “Nghiêm cấm người dân thành thị mua đất làm nhà ở nông thôn, nghiêm cấm cấp giấy phép sử dụng đất cho người dân thành thị đã mua và xây dựng nhà ở trái phép tại khu vực nông thôn”. Ở đây Da Huang là một cư dân thành thị nên không đủ tiêu chuẩn là dân làng của Hợp tác Kinh tế Longlou. Hành vi mua đất của Da Huang đã vi phạm chính sách quốc gia và xâm phạm lợi ích công cộng của tổ chức kinh tế tập thể. Do đó, việc thực thi phán quyết đã bị từ chối theo Điều 213 khoản 3 của Luật Tổ tụng Dân sự CHND Trung Hoa, nêu rõ: “Tòa án nhân dân sẽ từ chối việc thi hành nếu phát hiện ra rằng việc thực thi phán quyết sẽ vi phạm lợi ích xã hội và lợi ích công”.

3.2 Hệ thống pháp lý được cải thiện

Sau khi công bố chính sách “cải cách và mở cửa” vào cuối những năm 1970, thương mại nước ngoài phát triển mạnh ở Trung Quốc, và hệ thống pháp lý được cải thiện với những bước tiến rõ rệt nhằm rút ngắn con đường hội nhập môi trường trọng tài quốc tế của quốc gia này. Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm nghiên cứu sẽ bàn luận về điểm sáng ở hai khía cạnh: hệ thống lập pháp và hệ thống tư pháp tại Trung Quốc.

Hệ thống lập pháp của Trung Quốc

Điểm nổi bật trong hệ thống lập pháp tại Trung Quốc chính là sự ghép nối hợp pháp của các hệ thống pháp luật nước ngoài và chủ yếu dựa vào kinh nghiệm pháp lý nước ngoài nhưng vẫn giữ nền tảng lập pháp nội địa. Từ cuối năm 1970, những phát triển về pháp luật theo xu hướng hiện đại hóa luật pháp khi khi chính phủ bắt đầu xây dựng luật và thực thi luật. Như vậy, Trung Quốc với mối quan hệ mở, tiếp nhận và pha trộn những đặc điểm của luật pháp nước ngoài trong chính hệ thống của quốc gia này.

Hệ thống tư pháp của Trung Quốc hiện tại

Hệ thống tư pháp của Trung Quốc có các tòa án chung cũng như thẩm quyền cụ thể. Có bốn cấp tòa án có thẩm quyền chung. Tòa án cao nhất trong cả nước là Tòa án Nhân dân Tối cao (SPC), đặt tại Bắc Kinh. Bên dưới tòa án này là Tòa án Nhân dân Cấp cao (HPC). Có ba mươi HPC: một cho mỗi tỉnh, 7 khu tự trị, và thành phố trực thuộc trung ương. Bên dưới HPC là 389 Tòa án nhân dân cấp trung gian (IPC). Các tòa án này được thành lập ngay dưới cấp tỉnh ở các

tỉnh, thành phố do tỉnh quản lý, và trong các thành phố trực thuộc trung ương. Ở cấp thấp nhất là khoảng 3000 Tòa án Nhân dân Cấp cơ bản (BPC) tồn tại ở cấp quận.³

3.3. Sự ra đời của chế độ báo cáo

Chế độ báo cáo được thành lập đầu tiên vào năm 1995 với nỗ lực của Trung Quốc trong việc cải tạo hệ thống xử lý phán quyết của trọng tài quốc tế. Sau đó, vào ngày 23 tháng 4 năm 1998, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành chính thức quyết định liên quan đến việc loại bỏ phán quyết *Thông báo của Tòa án nhân dân tối cao về các vấn đề liên quan liên quan đến việc phân xử của Tòa án nhân dân về các phán quyết trọng tài liên quan đến nước ngoài, số FA/40/1998* (“*Thông báo 40/1998*”) với mục tiêu nhằm thực hiện nghiêm chỉnh Luật Trọng tài nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Luật Tổ tụng dân sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và đảm bảo rằng các hoạt động tố tụng và trọng tài được thực hiện theo quy định của pháp luật.⁴

3.3.1. Cách chế độ báo cáo vận hành

Khi một tòa án tiếp nhận một vụ án Công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, nếu tòa án nhận thấy phán quyết này cần được từ chối, tòa này phải báo cáo lên tòa án cấp cao hơn để nhận được đồng thuận về quyết định từ chối. Quá trình này được lặp đi lặp lại cho đến khi Tòa án Nhân dân Tối cao tiếp nhận và chấp nhận để tòa án dưới nó đưa ra phán quyết từ chối.⁵ Trong quá trình này, nếu có bất kỳ tòa án trung gian nào thấy rằng việc từ chối là không hợp lý thì phán quyết sẽ được công nhận và cho thi hành, làm vô hiệu sự từ chối của các tòa phía dưới.

Vụ án giữa Liberia Power Shipping Co and Appellate và Chongqing Xinfu Food Co Ltd là một ví dụ cho trường hợp tòa án cấp dưới không báo cáo lên mà tự ý quyết định. Vì tòa án ban đầu không thực hiện theo đúng quy định của chế độ báo cáo, Tòa án cấp cao hơn đã phải thực hiện lại đúng chế độ báo cáo. Tòa án Nhân dân Tối cao cuối cùng đã chấp nhận để tòa án cấp cao đưa ra phán quyết vô hiệu.

3.3.2. Những lợi ích mà Chế độ báo cáo mang lại

Một là, hạn chế sự bảo hộ của các địa phương dành cho doanh nghiệp trong nước. (Alford, Ku, & Xiao, 2016). Với sự ra đời của Chế độ báo cáo, quyền lực xét xử trong vụ án Công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, cụ thể ở đây là quyền từ chối, không thực sự thuộc về tòa án tiếp nhận và tuyên bố phán quyết. Điều này ngăn các tòa án cấp thấp thiên vị cho doanh nghiệp trong nước trong các vụ án có yếu tố nước ngoài.

³ [The People’s Courts Organisation Law of the People’s Republic of China] (People’s Republic of China), National People’s Congress, Order No 3, 1 July 1979. (Most Recent Amendment by National People’s Congress Standing Committee, 31 October 2006).

⁴ Tòa án Nhân dân Tối cao. (1998, 4 23). Thông báo của Tòa án Nhân dân Tối cao về các vấn đề liên quan tới việc Tòa án Nhân dân hủy bỏ Phán quyết trọng tài có liên quan tới nước ngoài [最高人民法院关于人民法院撤销涉外仲裁裁决有关事项的通知].

⁵ Điều 2 Thông báo của Tòa án Nhân dân Tối cao về Các vấn đề liên quan đến việc xử lý các vụ án trọng tài nước ngoài và liên quan tới nước ngoài của Tòa án Nhân dân [最高人民法院关于人民法院处理与涉外仲裁及外国仲裁事项有关问题的通知] ngày 28/9/1995.

Hai là, giảm tỷ lệ từ chối (Zhang, 2015) công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Do sự phức tạp trong quá trình từ chối, từ khi có sự xuất hiện của chế độ báo cáo, tỷ lệ từ chối Công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài giảm thiểu đáng kể. Và đây cũng là mục đích của Chính phủ Trung Quốc khi ban hành chế độ này - xây dựng môi trường tư pháp trong nước thân thiện với trọng tài quốc tế.

Ba là, tạo sự thống nhất trong cách áp dụng Điều V Công ước New York. Khi quyền từ chối được giới hạn trong tay của 1 cơ quan duy nhất là Tòa án Nhân dân Tối cao, việc áp dụng Điều V Công ước New York để từ chối cũng sẽ phụ thuộc vào cơ quan này. Do việc từ chối được thực hiện bởi cùng một cơ quan, cùng một nhóm người, nó sẽ tạo nên sự nhất quán trong việc xét xử

3.4 Một số rào cản, hạn chế

3.4.1 Về cách giải nghĩa chính sách công

Trong cuốn Việc thi hành Công Ước New York 1958 ở một số quốc gia châu Á của Erman Radjagukguk, tác giả đề cập Trung Quốc tiếp cận định nghĩa về chính sách công tại quốc gia này theo nghĩa rộng và không có định nghĩa thống nhất về chính sách công.

Hầu hết các định nghĩa trong thực tiễn quốc tế không được thảo luận trong thực tiễn trọng tài và tư pháp hiện tại của Trung Quốc.

3.4.2 Về hệ thống tư pháp

Mặc dù đã có nhiều bước tiến trong việc cải thiện các thể chế, bộ luật. Song, những hạn chế của hệ thống tư pháp vẫn còn là một trong những mục tiêu chỉ trích của các học giả trong đó có hai vấn đề:

Thứ nhất, các thẩm phán thuộc tòa án tại Trung Quốc thiếu đi sự độc lập về tư pháp. Về bản chất, các thẩm phán không được hưởng quyền độc lập tư pháp quyết định (Reinstein, 2005) và chịu nhiều sự ảnh hưởng của các tòa án cấp cao hơn.

Thứ hai, mức độ chuyên môn và năng lực thấp của một số thẩm phán góp phần vào các vấn đề thực thi cũng là một tranh cãi. Nghiên cứu của Peerenboom năm 2000 cho thấy các thẩm phán trong một số trường hợp không quen thuộc với cả các quy tắc liên quan đến thực thi và các điều khoản của Công ước New York. Thậm chí, có trường hợp, tòa án không biết có nên công nhận phán quyết hay không và thậm chí những tài liệu nào được yêu cầu.

3.4.3 Về Hệ thống giám sát

Bên cạnh những thuận lợi mà nó đem tới cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, chế độ này cũng phát sinh nhiều hạn chế vì Hệ thống giám sát chỉ áp dụng trong trường hợp không công nhận và không thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài và các tòa án nhân dân trung cấp có thể đưa ra phán quyết công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài mà không cần báo lên tòa án cao hơn. Điều này có thể dẫn đến một số tiêu cực nhất định.

4. Những kiến nghị đối với chính phủ và lưu ý cho doanh nghiệp Việt Nam

4.1. Những bất cập trong việc từ chối công nhận thi hành phán quyết trọng tài tại Việt Nam

Dựa trên cơ sở dữ liệu về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài từ 01/01/2012 đến 30/09/2019 do Công thông tin Điện tử Bộ tư pháp cung cấp⁶, nhóm tác giả thống kê trong số 83 đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài thì có đến 30 đơn bị từ chối khiến tỷ lệ từ chối tại Việt Nam giai đoạn 01/01/2012 đến 30/09/2019 lên đến 36.14%.

Các lý do phổ biến nhất để từ chối công nhận và cho thi hành bao gồm: (i) các hội đồng trọng tài ban hành phán quyết đã không tổng đạt phù hợp cho bên được yêu cầu thi hành theo quy trình của hội đồng trọng tài (được dẫn chiếu 27 lần), (ii) các phán quyết trọng tài đó, nếu được công nhận, sẽ trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam (được dẫn chiếu 10 lần), và (iii) thiếu thẩm quyền để các bên tham gia thỏa thuận trọng tài hoặc các thủ tục ký kết không được tuân thủ (được dẫn chiếu 6 lần). Trong đó, lý do thứ (ii) gây nhiều tranh cãi vì dễ bị lạm dụng và không có định nghĩa rõ ràng cho “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Theo Điều 14 Khoản (đ) Nghị quyết số: 01/2014/NQ-HĐTP có giải thích:

“*Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*” là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam.⁷ Tuy nhiên việc giải thích này vẫn còn rất chung chung và mơ hồ, chưa đưa ra hướng dẫn cụ thể. Ngay cả cơ quan có vai trò cực kỳ quan trọng trong nền tư pháp Việt Nam như Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao cũng không đưa ra được định nghĩa rõ ràng thì không bất ngờ khi đến nay, vẫn chưa ai có thể trả lời “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” là những nguyên tắc gì.

Để hạn chế sự tùy tiện của Tòa án, Nghị quyết số 01/2014/HĐTP-NQ đã có hướng dẫn. Với hướng của Nghị quyết, cần hội đủ đồng thời ít nhất 03 điều kiện để có thể huỷ phán quyết trọng tài vì trái với nguyên tắc cơ bản: (1) *Xác định được nguyên tắc cơ bản* (2) *Xác định được có việc vi phạm nguyên tắc cơ bản liên quan* và (3) *Xác định được có hậu quả nghiêm trọng từ việc vi phạm*.

Nghiên cứu thực tiễn về huỷ phán quyết trọng tài cho thấy trong nhiều trường hợp tiêu chí “trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” đôi khi bị lạm dụng, (Đ.V.Đại, 2018) Tòa án đã huỷ phán quyết trọng tài mà chưa đủ cơ sở để cho rằng phán quyết trọng tài trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, thực tế cũng chưa gặp trường hợp nào Tòa án huỷ phán quyết trọng tài mà lại nêu được rằng các điều kiện trong Nghị quyết số 01 đã hội đủ.

⁶ Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp. (2022). CSDL Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài. Retrieved from Trang thông tin điện tử Pháp luật quốc tế: moj.gov.vn

⁷ Nghị quyết Số: 01/2014/NQ-HĐTP Hướng dẫn Thi hành Một số quy định Luật Trọng tài Thương mại của Tòa án Nhân dân Tối cao.

4.2. Một số đề xuất nhằm cải thiện môi trường pháp lý ở Việt Nam trong việc từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài

Diễn giải thống nhất chính sách công

Việt Nam đã tham gia vào Công ước với hành trình hơn 20 năm, do đó, việc tiến hành đưa ra một diễn giải “hài hoà” chính sách công giữa luật pháp trong nước và quốc tế đòi hỏi sự đánh giá các quá trình áp dụng luật của các quốc gia trên thế giới, Việt Nam cần lưu ý về việc hạn chế lạm dụng chính sách công để kìm hãm sự phát triển của phán quyết trọng tài tại Việt Nam; diễn giải chính sách công cần rõ ràng và có hướng dẫn cụ thể về các trường hợp bị quy vào việc vi phạm (Sự cần thiết trong việc ban hành các văn bản và chỉ dẫn pháp luật cho các toà án địa phương); làm “hài hoà” khái niệm chính sách công giữa các định nghĩa trong nước và quốc tế.

Nâng cao năng lực của thẩm phán và khả năng giải quyết phán quyết liên quan tới trọng tài nước ngoài

Việc giải quyết các yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài đòi hỏi thẩm phán phải nắm vững không chỉ pháp luật trong nước mà còn phải hiểu biết về pháp luật nước ngoài, điều ước quốc tế, trình độ ngoại ngữ nhất định.

Trung Quốc – một quốc gia theo hệ thống Dân luật giống Việt Nam đã và đang tiến hành những bước tiến trong việc xây dựng môi trường thu hút thương mại và đầu tư thông qua việc cải thiện môi trường trọng tài. Trong đó, bao gồm việc cải thiện hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính và hệ thống toà án (Zhang, 2015). Việt Nam có thể nâng cao chất lượng của đội ngũ toà án nói chung và thẩm phán nói riêng bằng cách đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, tập huấn và đào tạo đội ngũ cán bộ liên quan.

Hình thành một hướng dẫn liên quan đến việc từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài trên cơ sở chính sách công

Những khuyết điểm của chế độ báo cáo này cũng chứng minh rằng đây không hẳn là một giải pháp toàn vẹn mà chỉ mang tính lâm thời đối phó. Hệ thống này cũng khó có thể được áp dụng ở Việt Nam khi nước ta không có thể mạnh trong việc xử lý các công việc liên quan đến giấy tờ. Việc áp dụng chế độ này có thể khiến quá trình xin công nhận vốn đã phức tạp nay còn tốn nhiều thời gian hơn.

Do đó nhóm tác giả nhận định giải pháp tối ưu là xây dựng, ban hành hướng dẫn dành cho các toà án liên quan và cả những đối tượng có nhu cầu công nhận phán quyết trọng tài nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật của nước ta. Bên cạnh đó, hướng dẫn này cũng làm rõ các quy định, quy trình và thủ tục trong việc công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài. Các doanh nghiệp có thể chủ động tìm hiểu cách vận hành của cơ chế từ chối công nhận phán quyết, từ đó thực hiện chính xác nhanh chóng thủ tục yêu cầu công nhận cũng như giữ vai trò giám sát để toà án thực hiện đúng chức năng và nghĩa vụ của mình trong quá trình đưa ra phán quyết.

Tài liệu tham khảo

Bảo, N. Q. (2020), “Thực trạng Công nhận và Cho thi hành Phán quyết Trọng tài Nước ngoài tại Việt nam: Vụ việc thực tế và bình luận”, *Kiến thức pháp lý*.

Bộ Tư pháp. (2015), “Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Công ước Niu-ước năm 1958 về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam”.

Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp. (2022), “CSDL Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài”, *Trang thông tin điện tử Pháp luật quốc tế*, moj.gov.vn

Đại, Đ. V. (2018). *Pháp luật Trọng tài thương mại Việt Nam - bản án và bình luận án*. Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam.

Alford, R. P., Ku, J. G., & Xiao, B. (2016), "Perceptions and Reality: The Enforcement of Foreign Arbitral Award in China", *UCLA Pacific Basin Law Journal*.

Chen, H.H.C. (2017), *Predictability of ‘Public Policy’ in Article V of the New York Convention under Mainland China’s Judicial Practice*, Kluwer Law International B.V.

Davis, K. R. (2002), "Unconventional wisdom: a new look at articles V and VII of the Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards", *Texas international law journal*, Vol. 37, pp. 43-87.

Gibson, C. S. (2009), "Civilization and Public Policy: Seeking Counterpoise between Arbitral Autonomy and the Public Policy Defense in View of Foreign Mandatory Public Law", *Suffolk University Law School Research Paper*, Vol. 113 No. 4, pp. 09-26.

Guixiang, L., & Hongyu, S. (2012), "Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards: A Reflection on Court Practices (国际商事仲裁的承认与执行)", *Beijing Arbitration*, Vol 2.

Hu, L. (2003), "An introduction to Commercial Arbitration in China", *Dispute Resolution Journal*.

Lei, C., & Hao, W. (2020), "Judicial Control of Arbitral Awards in Mainland China. In L. A. DiMatteo, M. Infantino, & N. M.-P. Potin", *The Cambridge Handbook of Judicial Control of Arbitral Awards*, pp. 210-225.

Martinez, R. (1990), "Recognition and Enforcement of International Arbitral Awards under the United Nations Convention of 1958: The Refusal Provisions", *International Lawyer*, Vol. 24, pp. 487.

Potter, P. (2001), "The Chinese Legal System: Globalization and Local Legal Culture", *Oxford University Press*.

Qilin, F., & Jinjing, L. (2007), "Social Public Interests and Economics Law [论社会公共利益与经济法]", *Hebei Law Science [理论版]*, Vol. 7, pp. 21-25.

Qui, X. (2000), "Enforcing Arbitral Awards Involving Foreign Parties: A Comparison of the United States and China", *Review International of Arbitration*, pp. 611-612.

Reinstein, E. S. (2005), "Finding a Happy Ending for Foreign Investors: the Enforcement of Arbitration Awards in the People's Republic of China", *Bepress Segal Series*, pp. 37-53.

Shengchang, W. (1998), "Improving the Efficiency of Arbitration Agreements and Awards: 40 Years of Application of the New York Convention", *ICCA Congress Series*, No. 9

UNCITRAL. (2021), "Status: Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards", *United nation, Available at* https://uncitral.un.org/en/texts/arbitration/conventions/foreign_arbitral_awards/status2

Shearman & Sterling (2021), *UNCITRAL*, Available at <https://newyorkconvention1958.org> (Retrieved 2021)

USA Productions and Tom, H. & Associates v. China Women Travel Service, (People's Supreme Court 12 26, 1996).

Utterback, M., Ronghui, L., & Blackwell, H. (2016). *Enforcing foreign arbitral awards in China - a review of the past twenty years*. King & Wood Mallesons.

Yaxin, W., & Fuyong, C. (2012). "Amendment of the China's Civil Procedural Law and Non-Enforcement of Arbitral Awards: An Empirical Study on the Beijing Arbitration Commission", *Law Science Magazine*, Vol. 5.

Zhang, S. (2015). *The Public Policy Exception in the Judicial Review of International Commercial Arbitral Awards-Lessons from and for China*. Faculty of Law, University of New South Wales.